Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7615.20.20

Mã HS	7615.20.20
Mô tả hàng hóa	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc các loại đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng nhôm; miếng dùng để cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, găng tay và các loại tương tự bằng nhôm; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng nhôm / - Đồ trang bị trong nhà vệ sinh và bộ phận của chúng: / - - Bô để giường bệnh, bô đi tiểu hoặc bô để phòng ngủ
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	26/11/2026 11:36:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/76152020/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12281
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12281
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q12281
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ12281
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	3,7	3,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	3,7	3,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.1	17,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E11629
ATIGA	2022	2022	0	AT!E11572
ATIGA	2023	2023	0	AT!F11572
ATIGA	2024	2024	0	AT!G11572
ATIGA	2025	2025	0	AT!H11572
ATIGA	2026	2026	0	AT!I11572
ATIGA	2027	2027	0	AT!J11572
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E11624
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F11624
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G11624
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H11624

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I11624
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J11624
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E11625
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F11625
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G11625
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H11625
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I11625
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J11625
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F11628
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H11578
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F11584
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G11584
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H11584
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I11584
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J11584
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K11584
VKFTA	2022	2022	0	VK!E11617
VKFTA	2023	2023	0	VK!F11617
VKFTA	2024	2024	0	VK!G11617
VKFTA	2025	2025	0	VK!H11617
VKFTA	2026	2026	0	VK!I11617
VKFTA	2027	2027	0	VK!J11617
VCFTA	2022	2022	5	VC!D11662
VCFTA	2023	2023	3	VC!E11662
VCFTA	2024	2024	0	VC!F11662
VCFTA	2025	2025	0	VC!G11662

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H11662
VCFTA	2027	2027	0	VC!I11662
VN-EAEU	2022	2022	8,2	EAV!D11647
VN-EAEU	2023	2023	5,5	EAV!E11647
VN-EAEU	2024	2024	2,7	EAV!F11647
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G11647
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H11647
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I11647
AHKFTA	2022	2022	18	AKH!D11647
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E11647
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F11647
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G11647
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H11647
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I11647
EVFTA	2022	2022	18,7	EV-NK!D11664
EVFTA	2023	2023	15	EV-NK!E11664
EVFTA	2024	2024	11,2	EV-NK!F11664
EVFTA	2025	2025	7,5	EV-NK!G11664
EVFTA	2026	2026	3,7	EV-NK!H11664
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I11664
UKVFTA	2022	2022	18,7	UKV!D11663
UKVFTA	2023	2023	15	UKV!E11663
UKVFTA	2024	2024	11,2	UKV!F11663
UKVFTA	2025	2025	7,5	UKV!G11663
UKVFTA	2026	2026	3,7	UKV!H11663
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I11663

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D11610
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E11610
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F11610
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G11610
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H11610
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I11610
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J11610
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D11647
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E11647
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F11647
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G11647
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H11647
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I11647
RCEP B	2022	2022	0	B!D11647
RCEP B	2023	2023	0	B!E11647
RCEP B	2024	2024	0	B!F11647
RCEP B	2025	2025	0	B!G11647
RCEP B	2026	2026	0	B!H11647
RCEP B	2027	2027	0	B!I11647
RCEP C	2022	2022	0	C!D11647
RCEP C	2023	2023	0	C!E11647
RCEP C	2024	2024	0	C!F11647
RCEP C	2025	2025	0	C!G11647
RCEP C	2026	2026	0	C!H11647
RCEP C	2027	2027	0	C!I11647
RCEP D	2022	2022	0	D!D11646

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E11646
RCEP D	2024	2024	0	D!F11646
RCEP D	2025	2025	0	D!G11646
RCEP D	2026	2026	0	D!H11646
RCEP D	2027	2027	0	D!I11646
RCEP E	2022	2022	0	E!D11650
RCEP E	2023	2023	0	E!E11650
RCEP E	2024	2024	0	E!F11650
RCEP E	2025	2025	0	E!G11650
RCEP E	2026	2026	0	E!H11650
RCEP E	2027	2027	0	E!I11650
RCEP F	2022	2022	0	F!D11647
RCEP F	2023	2023	0	F!E11647
RCEP F	2024	2024	0	F!F11647
RCEP F	2025	2025	0	F!G11647
RCEP F	2026	2026	0	F!H11647
RCEP F	2027	2027	0	F!I11647
VIFTA	2024	2024	25,7	VI!F10774
VIFTA	2025	2025	21.4	VI!G10774
VIFTA	2026	2026	17.1	VI!H10774
VIFTA	2027	2027	12.9	VI!I10774

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7615.20 có 2 dòng thuế; dòng 7615.20.20 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bô để giường bệnh, bô đi tiểu hoặc bô để phòng ngủ.	7615.20.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Nhôm > Kim loại quý. (Tham chiếu mã HS 2 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7615.20.20. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 7615.20.20 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12281), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.